

Bản tin Phân tích kỹ thuật

27/03/2026



Vũ Minh Đức
Phó Giám đốc
duc.vu@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.363

Lê Hải Đăng
Chuyên viên
dang.le@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.570

Chiến lược HDTL chỉ số VN30



Nhận định:

- 4111G4000 thu hẹp một phần đà tăng về cuối ngày sau khi tiếp cận kháng cự MA200 quanh 1.828 điểm. (M15)
- Dự báo hợp đồng sẽ chịu một nhịp thoái lui với mục tiêu là khu vực 1.810 điểm. Khuyến nghị mở vị thế bán và dừng lỗ khi xuất hiện nến đóng cửa trên ngưỡng 1.828 điểm.

Chiến lược:

- Bán (S): 1.822 điểm
- Mục tiêu (TP): 1.810 điểm
- Dừng lỗ (SL): 1.828 điểm

Quan điểm kỹ thuật

	Ngắn hạn	Trung hạn
VN-Index	Tiêu cực	Tiêu cực
VN30	Tiêu cực	Tiêu cực
VNMid	Trung tính	Tiêu cực
VNSmall	Trung tính	Tiêu cực
HNX	Trung tính	Tiêu cực

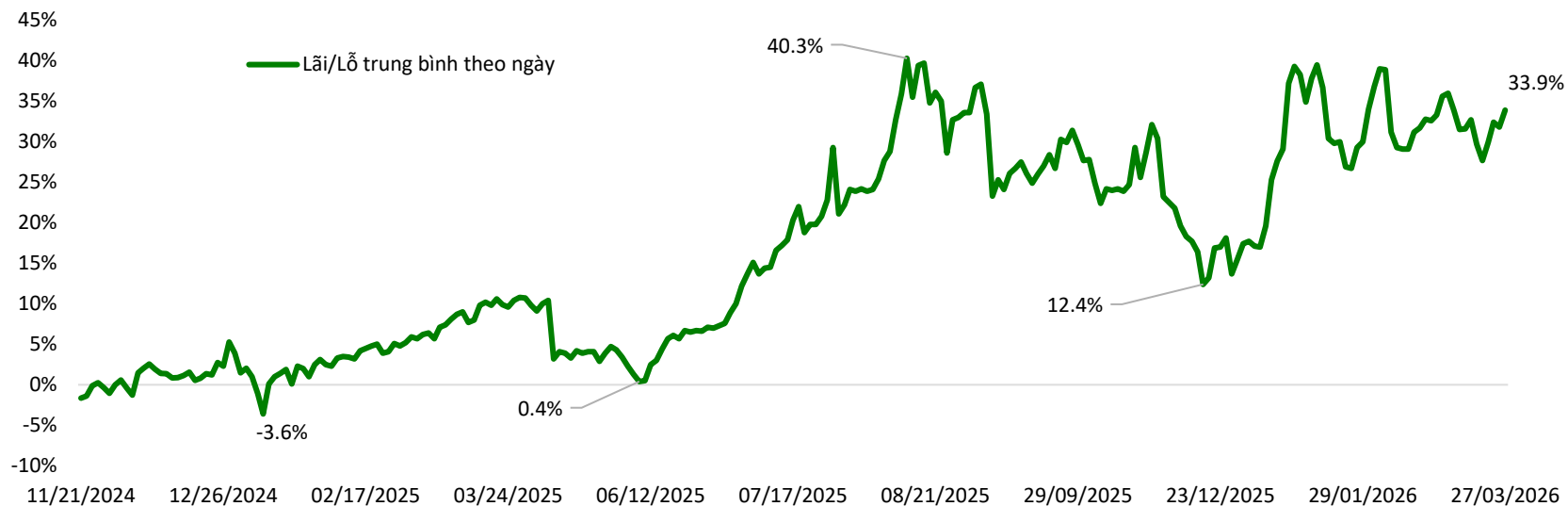


Nguồn: Vietcap

- Lực cầu có mức độ lan tỏa cao, nổi bật tại nhóm Bất động sản, Tiêu dùng, DV Tiện ích và Vật liệu. Các nhóm Ngân hàng, Chứng khoán, Bán lẻ và Hóa chất cũng ghi nhận hoạt động mua chủ động từ đầu ngày, dù mức độ chỉ ở trung bình đến thấp. Không ghi nhận trạng thái bán giá cao bất thường trong phiên 27/03, ngoại trừ tại nhóm Viễn thông.
- Trong phiên 27/03, hoạt động mua áp đảo hoàn toàn, tạo cơ sở cho VN-Index tiếp tục hồi phục về phía mốc 1.700 điểm trong phiên 30/03. Tuy nhiên, tín hiệu kỹ thuật ngành cho thấy rủi ro bị bán tại vùng giá cao đã xuất hiện trên 40% cổ phiếu Ngân hàng, 50% cổ phiếu Chứng khoán, 60% cổ phiếu Bán lẻ và 50% cổ phiếu Vật liệu. Dự báo nếu VN-Index tiếp tục tăng điểm, áp lực này sẽ lan rộng hơn, khiến nhịp tăng đi kèm độ biến động cao và không loại trừ khả năng đảo chiều trong ngày.
- Dựa trên diễn biến hiện tại, khuyến nghị tạm thời chưa mở mới các vị thế ngắn hạn tại vùng giá cao trong phiên 30/03.

Bảng theo dõi những vị thế đang mở

BẢNG THEO DÕI NHỮNG VỊ THẾ ĐANG MỞ										
Mã	Ngày mở	Ngày đóng	Trạng thái	Giá hiện tại	Giá mở	Lãi/Lỗ hiện tại	Ngưỡng dừng lỗ	Giá mục tiêu	Ngưỡng dừng lỗ mới	Giá mục tiêu mới
BVH	24/03/2026		Đang mở	84,000	75,400	11.4%	71,000	82,500	78,000	92,000
REE	26/03/2026		Đang mở	71,700	70,900	1.1%	65,800	79,000		
PC1	26/03/2026		Đang mở	29,100	28,100	3.6%	26,000	31,500		
CTD	26/03/2026		Đang mở	85,700	83,600	2.5%	80,400	92,000		



Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu vốn hóa lớn trên HOSE

TOP 15 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ VNINDEX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VIC	132,600	2.00%	-1.78%	1,021,820	4.240	1,468	6.9	90.3	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
GVR	32,100	7.00%	4.39%	128,400	1.865	1,406	2.3	22.8	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CTG	34,800	2.96%	3.57%	270,290	1.659	4,454	1.5	7.8	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VHM	103,000	1.88%	3.00%	423,063	1.650	10,200	1.8	10.1	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
VCB	58,800	1.55%	1.38%	491,314	1.584	4,210	2.2	14.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BID	39,850	2.44%	0.25%	290,111	1.470	4,277	1.7	9.3	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HPG	26,500	2.32%	2.32%	203,400	0.978	2,013	1.6	13.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
GAS	82,100	2.24%	0.12%	198,103	0.921	4,730	3.0	17.4	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HDB	25,300	3.05%	1.20%	126,633	0.803	3,496	1.7	7.2	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MWG	81,000	3.18%	1.63%	118,942	0.786	4,775	3.7	17.0	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TCB	30,650	1.66%	2.68%	217,193	0.747	3,577	1.3	8.6	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
FPT	76,100	2.56%	2.01%	129,637	0.689	5,515	3.6	13.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực
PLX	42,250	5.89%	-1.29%	53,683	0.656	2,122	2.1	19.9	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MBB	26,150	1.36%	0.77%	210,638	0.593	3,325	1.6	7.9	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
MCH	145,200	-1.22%	-6.32%	187,956	-0.477	5,517	10.4	26.3	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu HNX và UpCom

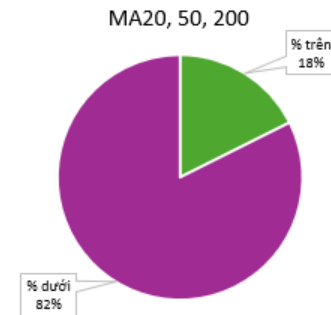
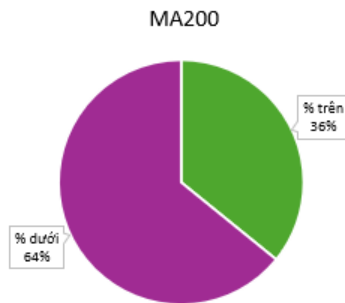
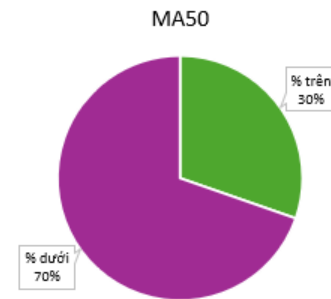
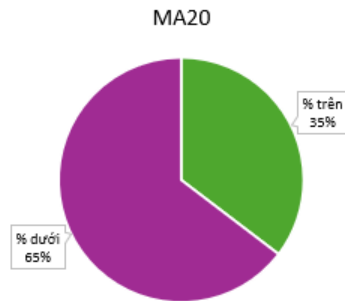
TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ HNX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
SHS	17,100	7.55%	6.88%	15,381	0.808	1,500	1.2	11.4	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KSV	146,600	3.24%	-0.27%	29,320	0.661	10,115	5.7	14.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
IDC	48,500	3.63%	11.49%	18,406	0.465	5,090	2.9	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính
MBS	23,900	3.46%	1.27%	15,948	0.384	1,883	2.0	12.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HUT	17,500	2.34%	9.38%	18,695	0.304	434	1.8	40.3	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính
PVS	42,800	1.90%	7.00%	21,889	0.290	3,560	1.5	12.0	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
CEO	16,900	4.32%	11.18%	9,589	0.288	312	1.5	54.1	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
NVB	10,900	1.87%	0.93%	20,978	0.273	0	1.5	185,109.0	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PVI	79,100	-1.13%	3.26%	18,529	-0.145	4,709	2.3	16.8	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
NTP	55,500	1.46%	-3.31%	9,493	0.097	5,805	2.2	9.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ UPCOM												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VGI	94,000	-1.98%	9.81%	286,502	-0.688	3,063	7.0	30.7	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Tiêu cực
MVN	51,000	3.03%	3.03%	60,702	0.223	1,622	4.3	31.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MSR	50,500	3.06%	4.99%	55,475	0.206	10	4.6	4,910.2	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính
FOX	83,400	2.58%	3.60%	60,995	0.191	4,627	5.6	17.9	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Trung tính
ACV	45,400	0.89%	2.02%	162,197	0.175	3,026	2.3	15.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ABB	14,400	4.35%	4.35%	19,798	0.104	2,650	1.2	5.4	Tích cực	Trung tính	Tích cực	Tích cực
RGG	39,800	10.56%	13.71%	7,460	0.095	795	3.0	46.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VCR	43,000	7.50%	22.86%	8,822	0.080	-368	5.9	-114.1	Tích cực	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VBB	10,400	5.05%	7.22%	11,062	0.068	1,457	0.9	7.1	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
OIL	15,600	2.63%	-2.50%	15,869	0.051	420	1.5	36.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính

Cổ phiếu vượt đỉnh, phá đáy 52w, thanh khoản đột biến

KLGD ĐỘT BIẾN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VMS	54,900	1.7%	19.8	0.7	16,761	63,000	3.2	36.2	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
DXP	13,400	6.3%	17.0	8.4	7,501	13,700	0.9	6.8	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính

Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường



Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường

Ngày			27/03/2026	26/03/2026	25/03/2026	24/03/2026	23/03/2026	20/03/2026	19/03/2026	18/03/2026
VNINDEX	MA200	Trên	31%	28%	29%	26%	24%	30%	31%	34%
		Dưới	69%	72%	71%	74%	76%	70%	69%	66%
	MA50	Trên	25%	23%	24%	19%	16%	23%	24%	26%
		Dưới	75%	77%	76%	81%	84%	77%	76%	74%
	MA20	Trên	39%	29%	28%	18%	14%	20%	20%	22%
		Dưới	61%	71%	72%	82%	86%	80%	80%	78%
VN30	MA200	Trên	40%	27%	30%	20%	23%	33%	50%	50%
		Dưới	60%	73%	70%	80%	77%	67%	50%	50%
	MA50	Trên	0%	0%	3%	0%	0%	3%	7%	7%
		Dưới	100%	100%	97%	100%	100%	97%	93%	93%
	MA20	Trên	27%	23%	20%	10%	7%	10%	13%	17%
		Dưới	73%	77%	80%	90%	93%	90%	87%	83%
HNX	MA200	Trên	38%	38%	38%	36%	36%	39%	40%	43%
		Dưới	62%	62%	62%	64%	64%	61%	60%	57%
	MA50	Trên	33%	31%	32%	27%	29%	33%	36%	38%
		Dưới	67%	69%	68%	73%	71%	67%	64%	62%
	MA20	Trên	38%	38%	38%	36%	36%	39%	40%	43%
		Dưới	62%	62%	62%	64%	64%	61%	60%	57%
UPCOM	MA200	Trên	33%	31%	31%	27%	25%	28%	29%	28%
		Dưới	67%	69%	69%	73%	75%	72%	71%	72%
	MA50	Trên	32%	31%	32%	29%	28%	30%	32%	31%
		Dưới	68%	69%	68%	71%	72%	70%	68%	69%
	MA20	Trên	37%	37%	38%	36%	37%	39%	39%	39%
		Dưới	63%	63%	62%	64%	63%	61%	61%	61%

Tương quan đo lường mức độ tích cực của ngành

Ngành 17		Tháng 3																			
		27 ↓	26	25	24	23	20	19	18	17	16	13	12	11	10	09	06	05	04	03	02
📈 1	Điện, nước & xăng d...	66	67	65	61	62	64	63	62	62	63	64	62	58	54	62	75	80	80	81	69
📉 2	Y tế	66	65	66	65	64	65	66	62	63	60	60	73	74	-	-	-	-	-	-	54
3	Bán lẻ	53	50	45	40	39	43	44	44	44	48	50	51	43	39	43	52	56	63	69	71
4	Dầu khí	53	53	52	50	54	60	66	61	63	67	75	80	78	77	83	90	91	93	92	85
5	Bảo hiểm	51	52	48	41	35	34	31	32	31	30	31	31	31	28	33	35	37	47	54	55
6	Xây dựng và Vật liệu	49	47	42	37	38	42	39	40	42	45	41	37	36	34	38	44	44	47	50	54
📉 7	Tài nguyên Cơ bản	46	46	45	45	48	50	51	49	50	51	55	54	54	48	46	48	51	55	57	66
8	Ô tô và phụ tùng	46	44	39	34	33	33	37	40	43	43	42	40	39	36	37	42	44	50	54	53
📉 9	Hàng cá nhân & Gia ...	45	43	41	39	43	48	51	53	52	52	58	59	58	49	56	63	68	71	69	72
📉 10	Hàng & Dịch vụ Côn...	44	43	39	36	39	44	47	46	45	47	52	53	50	50	56	62	63	68	68	66
📉 11	Hóa chất	43	39	37	37	42	48	54	52	55	60	67	66	63	60	64	69	72	78	81	76
12	Bất động sản	39	37	34	28	27	31	31	32	32	30	28	22	20	19	20	24	26	25	30	31
📉 13	Dịch vụ tài chính	34	32	28	27	29	30	33	36	36	36	39	42	43	42	51	59	55	54	52	58
📉 14	Thực phẩm và đồ uố...	34	33	31	30	30	34	36	38	38	38	38	37	35	31	33	38	41	43	44	45
15	Ngân hàng	32	32	31	26	28	33	36	37	35	34	35	35	36	31	35	37	40	43	49	55
16	Du lịch và Giải trí	31	25	20	18	19	21	21	20	21	25	25	25	23	22	24	27	31	31	36	45
17	Công nghệ Thông tin	13	13	12	10	10	11	11	12	12	10	10	11	11	10	10	13	13	14	17	24

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tích cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
BVH	84,000	3.1%	10.5%	62,355	2.5	21.0	3,996	36.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
FOX	83,400	2.6%	3.6%	60,995	5.6	17.9	4,627	25.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính
REE	71,700	0.0%	6.4%	38,837	1.9	15.4	4,669	119.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
FRT	162,500	2.8%	9.4%	27,674	6.6	34.8	4,667	112.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
ABB	14,400	4.3%	4.3%	19,798	1.2	5.4	2,650	21.9	Tích cực	9.5	Trung tính	Tích cực	Tích cực
HUT	17,500	2.3%	9.4%	18,695	1.8	40.3	434	64.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
IDC	48,500	3.6%	11.5%	18,406	2.9	9.5	5,090	153.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
PC1	29,100	2.8%	9.2%	11,968	1.8	11.4	2,553	322.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
HDG	29,800	0.7%	2.2%	11,025	1.6	15.6	1,907	81.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DSE	24,050	3.7%	3.4%	10,299	2.4	31.0	776	8.3	Tích cực	9.5	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực
CTD	85,700	0.2%	3.3%	9,127	1.0	11.6	7,388	73.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
KOS	39,050	0.1%	1.0%	8,454	3.6	448.7	87	12.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
NT2	27,900	0.5%	7.5%	8,032	1.7	7.1	3,926	26.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
GEG	16,950	1.5%	2.1%	6,073	1.4	10.2	1,663	67.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PET	46,500	-1.4%	9.3%	4,963	2.1	19.3	2,415	38.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MSH	37,800	0.0%	4.7%	4,253	2.2	7.0	5,436	8.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
MIG	19,400	2.1%	9.3%	4,103	1.6	12.6	1,542	8.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
NAF	48,100	1.3%	-2.0%	2,943	4.1	22.6	2,132	47.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
TV2	38,750	0.6%	6.3%	2,617	2.0	27.7	1,399	25.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
TTA	12,400	1.2%	5.1%	2,214	0.9	9.6	1,297	15.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tiêu cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VPX	29,500	1.0%	1.2%	55,313	1.6	12.8	2,298	26.6	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực
DGC	51,800	-1.0%	-6.7%	19,673	1.3	6.5	7,965	304.1	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CTF	18,350	0.0%	0.0%	1,755	1.8	172.8	106	5.9	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ACV	45,400	0.9%	2.0%	162,197	2.3	15.0	3,026	23.6	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
LPB	41,800	0.0%	1.7%	124,868	2.7	10.9	3,824	48.4	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SSI	27,050	2.7%	0.4%	67,384	2.1	13.7	1,978	624.8	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KSV	146,600	3.2%	-0.3%	29,320	5.7	14.5	10,115	5.3	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KDC	49,350	-0.1%	-1.2%	14,302	2.0	27.3	1,807	6.4	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BAF	34,700	0.3%	-0.7%	10,550	2.6	101.7	341	60.7	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BMP	128,200	2.5%	-1.0%	10,495	3.7	8.5	15,010	24.8	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NTP	55,500	1.5%	-3.3%	9,493	2.2	9.6	5,805	14.3	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FTS	25,600	2.4%	3.4%	8,870	2.0	22.1	1,161	15.8	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VDS	14,400	3.2%	-1.4%	3,917	1.3	13.7	1,053	11.3	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
YEG	10,050	0.5%	-5.2%	1,928	0.9	21.7	463	24.2	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PLC	23,300	2.2%	-4.9%	1,883	1.5	138.8	168	7.7	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VOS	12,950	1.6%	-0.4%	1,813	0.9	6.0	2,177	16.5	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
POM	4,000	-4.8%	-2.4%	1,116	-1.8	-1.3	-3,007	7.4	Tiêu cực	-4.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VCB	58,800	1.6%	1.4%	491,314	2.2	14.0	4,210	358.3	Tiêu cực	-3.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HPG	26,500	2.3%	2.3%	203,400	1.6	13.2	2,013	706.5	Tiêu cực	-3.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FPT	76,100	2.6%	2.0%	129,637	3.6	13.8	5,515	682.0	Tiêu cực	-3.5	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực

Top các cổ phiếu theo dõi có upside dài hạn lớn

Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Giá mục tiêu	% Upside	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
DXS	6,760	6.96%	8.33%	13,600	101.2%	581	0.6	11.6	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
DGC	51,800	-0.96%	-6.67%	91,200	76.1%	7,965	1.3	6.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
STK	14,500	-1.36%	-2.03%	25,500	75.9%	357	1.2	40.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KDH	26,400	3.73%	3.53%	43,700	65.5%	943	1.6	28.0	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực
DXG	14,600	5.42%	4.29%	24,000	64.4%	229	1.1	63.9	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
NLG	29,350	3.35%	5.96%	45,800	56.0%	1,805	1.1	16.3	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
FPT	76,100	2.56%	2.01%	116,600	53.2%	5,515	3.6	13.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực
SSI	27,050	2.66%	0.37%	40,800	50.8%	1,978	2.1	13.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
GEX	35,950	1.55%	4.05%	54,000	50.2%	1,638	1.8	22.0	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
SZC	29,500	4.24%	1.55%	42,400	43.7%	1,916	1.7	15.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VPB	26,450	0.95%	5.59%	38,000	43.7%	3,024	1.3	8.8	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
ACV	45,400	0.89%	2.02%	64,600	42.3%	3,026	2.3	15.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VGC	45,600	2.01%	3.64%	64,100	40.6%	3,130	2.4	14.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NVL	14,300	0.70%	6.32%	20,000	39.9%	884	0.7	16.2	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
KBC	30,700	6.97%	5.68%	42,500	38.4%	2,450	1.2	12.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PVT	22,300	-0.45%	2.53%	30,800	38.1%	2,208	1.2	10.1	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
MSN	73,300	1.66%	2.81%	101,200	38.1%	2,710	3.0	27.1	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PLC	23,300	2.19%	-4.90%	31,900	36.9%	168	1.5	138.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BMI	16,900	0.60%	2.74%	23,100	36.7%	1,726	0.9	9.8	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
BWE	43,150	0.58%	0.47%	58,700	36.0%	4,506	1.6	9.6	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Khuyến cáo

Chúng tôi xác nhận rằng những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty này. Chúng tôi cũng xác nhận rằng không có phần thù lao nào của chúng tôi đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Các chuyên viên phân tích nghiên cứu phụ trách các báo cáo này nhận được thù lao dựa trên nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng, tính chính xác của nghiên cứu, và doanh thu của công ty, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, hoặc Tư vấn doanh nghiệp.

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt. Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.

Thông tin liên hệ

Phòng Research

Duc Vu, Associate Director

+84 28 3914 3588, ext 363

duc.vu@vietcap.com.vn

Research team

+84 28 3914 3588

research@vietcap.com.vn

Nam Hoang, Head of Research

+84 28 3914 3588, ext 124

nam.hoang@vietcap.com.vn

Brokerage and Institutional Sales & Trading

Anthony Le

**Director, Brokerage &
Institutional Sales & Trading**

+84 28 3914 3588, ext 525

anthony.le@vietcap.com.vn

Quynh Chau

**Managing Director
Brokerage**

+84 28 3914 3588, ext 222

quynh.chau@vietcap.com.vn